TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**125/**2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 9 - 2026
V/v: "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân
- Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ
  Bà Nguyễn Thị Hồng
- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 473/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 1066/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số1049/2026/QĐHPT-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1984; CCCD số 048184003807 Cục CSQLHC về TTXH cấp 19/01/2024 Địa chỉ: K376/37 N, tổ D VT nay là tổ B VT, phường T, thành phố Đà Nẵng

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn : Ông Nguyễn Văn P là luật sư của Công ty TNHH MTV P2, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T1; sinh năm: 1984; CCCD số 038084033249 Cục CSQLHC về TTXH cấp 12/08/2021 ; Địa chỉ: K N, tổ D VT nay là tổ B VT, phường T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 06 năm 2026 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Nguyễn Hữu T1 kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V (cũ) nay là phường T, thành phố Đà Nẵng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống giữa bà và ông Nguyễn Hữu T1 không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, ông T1 cũng không quan tâm bà và các con. Bà và ông Nguyễn Hữu T1 đã ly thân ông T1 đi đâu làm gì bà không rõ, lâu lâu ông T1 có ghé về nhà thăm con xong lại bỏ đi. Vợ chồng bà hiện nay không ai quan tâm đến ai, hôn nhân không có hạnh phúc nên bà yêu cầu toà giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

- *Về con chung:* Bà và ông Nguyễn Hữu T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo Quỳnh N, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2011 và cháu Nguyễn Hữu T2, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2015. Ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 cháu và không yêu cầu ông Nguyễn Hữu T1 cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con, tài sản chung và nợ chung của bà T1 trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có mời luật sự tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nhưng luật sư và bà T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt qúa trình giải quyết hồ sơ, vắng mặt tại các phiên toà nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56,57,58 Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T.

+ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T về việc chấm dứt quan hệ hôn nhân đối với ông Nguyễn Hữu T1 .

+ Chấp nhận nguyện vọng bà T1 về quyền nuôi con; Đề nghị HĐXX giao cả hai con chung 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo Quỳnh N, sinh ngày 31 tháng 8

năm 2011 và cháu Nguyễn Hữu T2, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2015 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà T1 không đề nghị cấp dưỡng nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà T1 xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

- Bà T1 chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

* Luận cứ bảo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư gởi tòa ngày 10/9/2026 có nội dung như sau: Luật sư thống nhất những ý kiến trình bày của bà T1 về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn phát sinh giữa bà T1 và ông T1, con chung, tài sản chung và nợ chung. Theo luật sư những mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân của hai vợ chồng là trầm trọng bởi ông T1 hiện nay đã bỏ nhà đi không cho gia đình biết địa chỉ, thỉnh thoảng về thăm con nhưng không ở lại và đi ngay sau đó cho thấy hai vợ chồng không còn kết nối, quan tâm chăm sóc nhau, chăm sóc con cái cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Sau khi ông T1 bỏ đi người trực tiếp chăm sóc, nuôi hai con là bà T1. Hiện nay các con vợ chồng bà T3 là cháu cháu Nguyễn Thảo Quỳnh N, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2011 và cháu Nguyễn Hữu T2, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2015, đang có cuộc sống ổn định, được chăm lo và được đi học. Đối với tài sản chung, bà T1 không yêu cầu, về nợ chung bà T1 xác định không có. Như vậy, luật sư đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56,57,58 Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân cho bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1, và đề nghị HĐXX giao cả hai con cho bà T1 chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển cho các cháu. Về tài sản chung nợ chung nếu có tranh chấp giải quyết trong vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" đối với ông Nguyễn Hữu T1 có địa chỉ tại: Địa chỉ: K376/37 N, tổ D VT nay là tổ B VT, phường T, thành phố Đà Nẵng là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có mời luật sự tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nhưng luật sư và bà T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt qúa trình giải quyết hồ sơ, vắng mặt tại các phiên toà

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn và quyền nuôi con của bà Nguyễn Thị Thu T với ông Nguyễn Hữu T1, HĐXX xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T với ông Nguyễn Hữu T1 kết hôn với nhau 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V (cũ) nay là phường T, thành phố Đà Nẵng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà T1 trình bày nguyên nhân chính dẫn đến bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1 là do bà và ông T1 Trong quá trình chung sống giữa bà và ông Nguyễn Hữu T1 không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, không trao đổi, chia sẻ và độc lập về tài chính. Bà và ông Nguyễn Hữu T1 đã ly thân, ông T1 đi đâu làm gì bà không rõ, lâu lâu có ghé về nhà thăm con xong lại bỏ đi. Vợ chồng bà hiện nay không ai quan tâm đến ai, hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi yêu cầu toà giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Xét thấy lời khai của bà T1 phù hợp với xác minh tại địa phương cũng như quá trình Tòa án giải quyết hồ sơ có thông báo mời ông T1 làm việc nhiều lần để hòa giải hôn nhân nhưng ông T1 không đến cho thấy ông T1 không tha thiết cuộc hôn nhân với bà T1. Bà T1 kiên quyết xin ly hôn với ông T1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1 đối với ông T1 theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng bà T1 và ông T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo Quỳnh N, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2011 và cháu Nguyễn Hữu T2, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2015. Ly hôn, bà T1 có nguyện vọng nuôi cả hai con. Xét thấy hiện nay bà T1 là người trực tiếp chăm các con khi ông T1 bỏ nhà đi, các cháu được mẹ chăm sóc và được cho học hành đầy đủ, có chỗ ở nên HĐXX xét thấy cần tiếp tục duy trì sự ổn định cho các cháu để các cháu tiếp tục học hành và thưởng thành. Xét nguyện vọng của hai cháu đều mong muốn ở cùng mẹ nên giao cho bà T1 nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà T1 không đề nghị cấp dưỡng nên HĐXX không xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T1 không yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

[4] *Về án phí:* Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Đ và luận cứ của luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con của vợ chồng bà T là phù hợp nên HĐXX thống nhất quan điểm này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 57, 58 Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T đối với ông Nguyễn Hữu T1 về việc *"Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung"*. Cho bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1.

2.Về con chung: Giao hai cháu cháu Nguyễn Thảo Quỳnh N, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2011 và cháu Nguyễn Hữu T2, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2015 cho bà Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hữu T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo qui định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: không có

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0006731 ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, thành phố Đà Nẵng; Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/9/2026; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị H1

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị H1